

STT	Tên biểu tại KH số 130
1	Biểu số 01TH
2	Biểu số 02TH
6	Biểu số 06TH
11	Biểu số 11TH
12	Biểu số 12TH

Phụ lục 02
Mẫu báo cáo do tuyến huyện thực hiện

Nội dung biểu
Chỉ số, khung kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
Thông tin giám sát hoạt động nâng cao năng lực thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 7 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
Thông tin giám sát hoạt động giám sát, đánh giá thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 7 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

Biểu 01TH

Chỉ số, khung kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

STT	Chỉ số	Kết quả tại thời điểm báo cáo (6 tháng/ cả năm.....)			Lũy kế đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch cuối kỳ 2025	
		Phân tử	Số lượng (số trẻ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (số trẻ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (số trẻ)	Tỷ lệ (%)
1	Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng, thấp còi của trẻ dưới 5 tuổi							
2	Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng gày còm của trẻ dưới 5 tuổi							
3	Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng gày còm của trẻ dưới 16 tuổi							

Người tổng hợp
(ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

Biểu 02TH

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Số TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình	
				6 tháng, năm....	% so với kế hoạch đầu năm
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=4/3</i>
B	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng				
II	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng				
<i>1</i>	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng			
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng			
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng			
1,3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng			
<i>2</i>	Kết quả thực hiện				
2.1	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 5 tuổi được hỗ trợ				
2.2	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Người			
2.3	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm dưới 16 tuổi được hỗ trợ	Người			
E	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình				
I	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình				
<i>1</i>	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng			
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng			
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng			
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng			
<i>2</i>	Kết quả thực hiện				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)				
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp			
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ			
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)				
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp			
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Luợt người			
	+ Số người tham gia đối thoại	Người			

Người tổng hợp
(ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO**BIỂU 06TH****THÔNG TIN GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN DINH DƯỠNG THUỘC TIÊU DỰ ÁN 2- DỰ ÁN 3 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

- Số hộ nghèo:

- Số trẻ dưới 5 tuổi:

Trong đó, số trẻ gái:

- Số trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi:

Trong đó, số trẻ gái:

STT	Loại hoạt động (theo nội dung hỗ trợ của Tiêu dự án)	Nội dung (các nội dung được hỗ trợ theo từng hoạt động của Tiêu dự án)	Cấp thực hiện	Tổng vốn (triệu đồng)	Trong đó			Thời gian thực hiện	Tên xã	Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống SDD, thiếu VCDD cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo và hộ mới thoát nghèo					Tư vấn, can thiệp phòng chống thiếu VCDD trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo và hộ mới thoát nghèo				
					NSTW	NSĐP	Huy động			Số trẻ em <5 tuổi được bổ sung vi chất dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Số bà mẹ có con dưới 5 tuổi được tư vấn dinh dưỡng	Số trẻ em được theo dõi và quản lý SDD cấp tính tại CD	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ em được tư vấn dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ em SDD được bổ sung VCDD	Trong đó số trẻ em gái	
A	B	C	E	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
TỔNG CỘNG																			

..... Ngày tháng năm.....

Người tổng hợp
(ký ghi rõ họ tên)**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**
(ký tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

BIỂU 11TH

**Thông tin giám sát hoạt động nâng cao năng lực thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 7
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

STT	Loại hoạt động NCNL	Nội dung NCNL	Đơn vị được bố trí kinh phí thực hiện	Tổng vốn	Thời gian thực hiện	Giảng viên	Số người tham gia	Trong đó							Cấp chủ đầu tư				
								Cán bộ cấp tỉnh	Cán bộ cấp huyện	Cán bộ cấp xã	Trưởng thôn	Số cán bộ nữ	Cán bộ DTTS	Cộng đồng	Huyện	Tỉnh			
A	B	C	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
1	(Tập huấn TOT, tập huấn ngắn hạn, thăm quan học hỏi kinh nghiệm,...)	(NCNL lập kế hoạch, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng, bình đẳng giới, tiếp cận nhân học...)			(ghi rõ số ngày thực hiện)	(tư vấn, cán bộ tỉnh, cán bộ huyện, khác - nếu rõ)													
2																			
3																			
4																			
5																			
6																			
7																			
8																			
9																			
	TỔNG CỘNG																		

..... ngày tháng năm.....

Người tổng hợp
(ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

BIỂU 12TH

Thông tin về giám sát hoạt động giám sát, đánh giá thuộc tiểu dự án 2, Dự án 7 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

STT	Loại hoạt động giám sát, đánh giá	Nội dung giám sát, đánh giá	Đơn vị được bố trí kinh phí thực hiện	Tổng vốn	Thời gian thực hiện	Đối tượng kiểm tra, giám sát, đánh giá		
						Cấp huyện	Cấp xã	Cấp thôn
A	B	C	I	2	3	4	5	6
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9	TỔNG CỘNG							

Người tổng hợp
(ký ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm.....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)

0 ĐẾN
2021-

: SDD gây m
Tỷ lệ (%)